TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: 139/2023/HS-PT
Ngày 18 – 7 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết, ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên toà: Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 135/2023/HSPT ngày 23/5/2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn T, do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Cao S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk.

1. Bị cáo: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1995; tại tỉnh Đắk Lắk; nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1974 và bà Dương Thị D, sinh năm 1974; tiền sự; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/01/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Bị hại: Ông Phạm Quốc D1, sinh năm 1982; địa chỉ: Thị trấn D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Văn phòng Công chứng B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Cao Sỹ H – Công Chứng viên.

Cùng địa chỉ: Phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3.2 Ông Nguyễn Cao S, sinh năm 1995; địa chỉ: Phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết ông Phạm Quốc D1 làm dịch vụ cho thuê xe tự lái nên Nguyễn Văn T đã nhiều lần đến thuê xe ô tô nhãn hiệu Ford, loại xe Ranger, màu sơn trắng, biển kiểm soát 47C-235.45 của ông D1 để làm phương tiện đi lại. Khi làm hợp đồng thuê xe xong thì ông D1 đưa cho T 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản photocopy), 01 Chứng nhận kiểm định xe, 01 Chứng nhận bảo hiểm xe ô tô biển kiểm soát 47C-235.45, tất cả trên đều mang tên Phạm Quốc D1, khi trả xe thì T sẽ trả lại các giấy tờ này. Đến tháng 7/2021, do cần tiền trả nợ nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C-235.45 của ông D1 để mang đi cầm cố hoặc bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Để thực hiện ý định trên, T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max của mình truy cập vào trang mạng xã hội Facebook, liên hệ với một tài khoản Facebook (T không nhớ tên) nhận làm giấy tờ giả rồi cung cấp ảnh chân dung cá nhân của T, ảnh chụp Chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 47C-235.45 và thông tin căn cước công dân của Nguyễn Văn T cho tài khoản Facebook này để đặt làm giả 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 47C-235.45, tên chủ xe Nguyễn Văn T, địa chỉ: Xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, với mục đích sau đó thuê lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C-235.45 của ông D1 và sử dụng Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả mang tên Nguyễn Văn T để đi bán cho người khác lấy tiền trả nợ.

Sau khi có được Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, đến khoảng 08 giờ ngày 23/7/2021, T đi đến nhà ông D1 tại Thị trấn D, huyện E, hỏi thuê chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C-235.45 để tự lái. Thời hạn thuê xe là 60 ngày, với giá tiền là 1.000.000 đồng/ngày, ông D1 đồng ý. Khi giao xe ô tô biển kiểm soát 47C-235.45 cho T, anh D1 có đưa thêm 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản photocopy), 01 Chứng nhận kiểm định xe, 01 Chứng nhận bảo hiểm xe của chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C-235.45 đều mang tên Phạm Quốc D1. Sau khi thuê được chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C-235.45 xong, đến khoảng 18 giờ cùng ngày T điều khiển xe ô tô này đi đến gặp Nguyễn Cao S là chủ tiệm kinh doanh mua bán xe ô tô và dịch vụ cầm đồ 268 thuộc Xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C-235.45. Quá trình thỏa thuận việc bán xe ô tô thì T có cho S xem 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 063784 của xe ô tô biển kiểm soát 47C-235.45 mang tên Nguyễn Văn T, địa chỉ: xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, S đồng ý mua xe ô tô biển kiểm soát 47C-235.45 với giá 360.000.000 đồng, với điều kiện là T phải ra Văn phòng Công chứng làm thủ tục bán chiếc xe ô tô

biển kiểm soát 47C-235.45 cho Nguyễn Cao S. Đến khoảng 08 giờ ngày 26/7/2021, T đi đến Văn phòng Công chứng B; địa chỉ: Phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, để làm thủ tục bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C-235.45 cho S. Đến ngày 11/8/2021, sau khi Nguyễn Cao S và T cung cấp đủ các giấy tờ để làm hợp đồng công chứng mua bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C-235.45 thì ông Cao Sỹ H, là Công chứng viên của Văn phòng Công chứng B đã tiến hành công chứng hợp đồng mua bán xe ô tô nêu trên. Sau khi mua xe thì Nguyễn Cao S đã nhiều lần trả tiền cho T với tổng số tiền là 360.000.000 đồng. Sau khi bán xe ô tô biển số 47C-235.45 cho S thì T thuê lại chiếc xe này để làm phương tiện đi lại, nhưng không có làm hợp đồng và cũng không nhớ ngày thuê cụ thể (vì T thuê xe ô tô của S nhiều lần) đến ngày 29/9/2021, S điện thoại cho T để lấy lại xe ô tô. Đến ngày 01/10/2021, thông qua Đoàn Thụy L, Nguyễn Cao S cho Nguyễn Văn L1 thuê lại xe ô tô biển số 47C-235.45. Đến ngày 29/9/2021, ông D1 có gặp T và hỏi về chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C-235.45 thì T thừa nhận đã bán chiếc xe ô tô trên cho Nguyễn Cao S, nên ông D1 đến Công an huyện Ea H'Leo trình báo sự việc. Sau khi thuê được xe ô tô, Nguyễn Văn L1 sử dụng làm phương tiện đi làm ăn ở nhiều nơi nên Nguyễn Cao S không liên lạc được. Đến ngày 10/10/2022, Nguyễn Văn L1 về trả lại xe cho S, ngày 11/10/2022 Nguyễn Cao S giao nộp xe ô tô biển số 47C-235.45 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo để xử lý.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 10/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Ea H'Leo, kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại Ranger, sản xuất năm 2016, biển kiểm soát 47C-235.45, trị giá 480.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 431/KL-KTHS ngày 19/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 063784, chủ xe mang tên Nguyễn Văn T cần giám định ký hiệu A1 là giả.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo đã thu giữ xe ô tô biển số 47C-235.45, nhãn hiệu Ford, loại Ranger, màu sơn trắng, số khung FF50GW519197, số máy P5AT2133779.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Nguyễn Cao S lúc yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T, lúc yêu cầu Văn phòng Công chứng B phải trả lại 360.000.000 đồng, bị hại ông Phạm Văn D1 yêu cầu ông Nguyễn Cao S phải bồi thường thiệt hại trong thời gian ông S giữ xe ô tô tổng số tiền 240.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*; *tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*".

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 11 (Mười một) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo bị cáo Nguyễn Văn T 03 (Ba) năm tù về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*; *tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*"

3. Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của các tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của các tội là 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 17/01/2021.

Đối với Nguyễn Cao S đã có hành vi mua lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C – 235.45 của ông Phạm Quốc D1, khi mua xe S không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với người nhận làm giấy tờ giả thông qua tài khản Facebook, bị cáo không nhớ tên, quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch, nên không có căn cứ để xử lý.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc ông Nguyễn Cao S phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Phạm Quốc D1 240.000.000 đồng.

Tách yêu cầu của Nguyễn Cao S về việc yêu cầu Văn phòng công chứng B hoặc bị cáo T phải bồi thường thường thiệt hại về tài sản với số tiền 360.000.000 đồng. Ông S được quyền khởi kiện tranh chấp trên bằng một án dân sự khi có yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/4/2023, Nguyễn Cao S kháng cáo một phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 27/02/2023, cụ thể: Ông S không chấp nhận bồi thường thiệt hại cho ông Phạm Quốc D1 240.000.000 đồng và yêu cầu Văn phòng công chứng B phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông S 360.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Cao S là người kháng cáo nhưng có đơn xin hoãn phiên tòa phúc thẩm với lý do bận công việc. Xét lý do xin hoãn phiên tòa là không có căn cứ nên HĐXX xét xử vắng mặt ông S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị

HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea H Leo, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào hồ sơ vụ án thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung của Bản án sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định: Với mục đích chiếm đoạt tài sản, ngày 23/7/2021, bị cáo Nguyễn Văn T sau khi đặt mua được 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, biển kiểm soát 47C-235.45 giả, tên chủ xe Nguyễn Văn T, bằng hình thức thông qua hợp đồng thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, biển kiểm soát 47C-235.45 của ông D1 với giá 1.000.000đ/ngày rồi đem bán chiếc xe trên cho Nguyễn Cao S với giá 360.000.000 đồng tiêu sài cá nhân. Do đó, Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 11 năm tù về "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và 3 năm tù về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*; *tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của các tội là 14 năm là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Cao S về việc yêu cầu Văn phòng công chứng B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông S số tiền 360.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra có lúc ông S yêu cầu bị cáo T trả lại 360.000.000 đồng, lúc lại yêu cầu Văn phòng công chứng B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại 360.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm ông S nhiều lần vắng mặt nên không xác định được ông S yêu cầu bị cáo T hay Văn phòng công chứng B hay cả hai phải liên đới trách nhiệm. Do đó, Bản án sơ thẩm tách yêu cầu bồi thường của S thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu là có căn cứ, phù hợp.

[3] Xét yêu cầu của ông D1 buộc ông S phải bồi thường thiệt hại 240.000.000đ và kháng cáo của ông S không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông D1, nhận thấy: Mặc dù, tại thời điểm ông S mua chiếc xe từ bị cáo T, ông S không biết tài sản do bị cáo T phạm tội mà có. Tuy nhiên, sau khi ông H1 thông tin cho ông S biết chiếc xe thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông D1 vào ngày 29/9/2021 ông S liên lạc và lấy lại chiếc xe từ bị cáo T, hai ngày sau, tức ngày 01/10/2021, ông S cho Nguyễn Văn L1 thuê xe và hưởng lợi từ việc cho thuê xe nên cần xác định thiệt hại từ việc không khai thác được giá trị cho thuê xe của ông D1 thuộc lỗi của ông S. Do đó, Bản án sơ thẩm

chấp nhận yêu cầu của ông D1, buộc ông S phải có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại cho ông D1 là có căn cứ, phù hợp. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm tính giá cho thuê xe 1.000.000đ/ngày theo hợp đồng thuê xe giữa bị cáo T với ông D1 mà không xác minh giá thuê xe trung bình cùng loại, cùng thời điểm tại địa phương để làm căn cứ tính thiệt hại là thiếu sót. Cấp phúc thẩm đã yêu cầu khắc phục, bổ sung nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Tại các kết quả xác minh giá cho thuê xe tự lái đối với dòng xe bán tải hoặc xe 5 chổ ngồi thời gian từ năm 2021 đến 2013 có giá như sau: Giá cho thuê xe tự lái tính theo ngày 1.000.000đ/ngày; giá thuê xe tự lái tính theo tháng từ 18.000.000đ/tháng đến 20.000.000đ/tháng; không có giá cho thuê tự lái tính theo năm. Do đó, cần áp dụng giá cho thuê xe tự lái tính theo tháng trung bình là 19.000.000đ/ tháng. Thời gian ông S giữ xe là 12 tháng 11 ngày (tính từ ngày ông S biết chiếc xe trên do bị cáo T phạm tội mà có và ngày 29/9/2021 đến ngày ông S giao xe cho Cơ quan điều tra ngày 11/10/2022), thành tiền 234.900.000đ. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông D1, buộc ông sinh phải bồi thường cho ông D1 240.000.000đ là cao. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm không tuyên nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án là thiếu sót, cấp phúc thẩm cần tuyên bổ sung. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 355; điểm d khản 1 Điều 357 của BLTTHS, chấp nhận một phần kháng cáo của ông S, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, về phần trách nhiệm dân sự như đã nhận định và phân tích trên.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông S được chấp nhận một phần nên ông S không phải chịu án phí phúc thẩm.

Do sửa án sơ thẩm nên cần tính lại án phí DSST. Cụ thể: 234.900.000đ x 5% = 11.745.000đ. Vì vậy, cần buộc ông S phải chịu 11.745.000đ án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Cao S. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk về phần trách nhiệm dân sự và án phí.

[2] Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 11 (Mười một) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt*

tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo bị cáo Nguyễn Văn T 03 (Ba) năm tù về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*; *tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*"

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 17/01/2021.

Đối với Nguyễn Cao S đã có hành vi mua lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C – 235.45 của ông Phạm Quốc D1, khi mua xe S không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với người nhận làm giấy tờ giả thông qua tài khản Facebook, bị cáo không nhớ tên, quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch, nên không có căn cứ để xử lý.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông Phạm Quốc D1, buộc ông Nguyễn Cao S phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Phạm Quốc D1 là 234.900.000.000 đồng (hai trăm ba mươi tư triệu chín trăm nghìn đồng).

Tách yêu cầu của ông Nguyễn Cao S về việc yêu cầu Văn phòng công chứng B hoặc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường thường thiệt hại về tài sản với số tiền 360.000.000 đồng thành vụ kiện dân sự khác.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Giao trả xe ô tô biển số 47C-235.45, nhãn hiệu Ford, loại Ranger, màu sơn trắng, số khung FF50GW519197, số mày P5AT2133779 cho ông Phạm Quốc D1 là chủ sở hửu hợp pháp.

Tịch thu tiêu hủy 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô cấp ngày 02/7/2020, số 063784 mang tên Nguyễn Văn T do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[6] Về án phí:

- Án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Cao S phải chịu 11.745.000đ (Mười một triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí DSST.

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Cao S không phải chịu án phí phúc thẩm, số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông S nộp theo biên lai số AA/2021/0011341 ngày 10/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H' Leo, tỉnh Đắk Lắk được khấu trừ vào số tiền án phí DSST mà ông S phải chịu .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);*
- *Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VP CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND huyện Ea H'leo;*
- *VKSND huyện Ea H'leo;*
- *Công an huyện Ea H'leo;*
- *Chi cục THADS huyện E;*
- *Bị cáo;*
- *Những người TGTT;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền